

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Bến Trẽ Hội An tại thôn Bến Trẽ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Bến Trẽ Hội An, tại thôn Bến Trẽ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, gửi kèm Công văn số 02/CV-BTHA ngày 21/10/2020 của Công ty Cổ phần Bến Trẽ Hội An về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Bến Trẽ Hội An, tại thôn Bến Trẽ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 882/TTr-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2020 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Bến Trẽ Hội An với diện tích 65.822 m² trong đó bao gồm diện tích hành lang bảo vệ Sông Cồ là 3.874m² tại thôn Bến Trẽ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Dự án) do Công ty Cổ phần Bến Trẽ Hội An làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.

4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND thành phố Hội An, Chủ tịch UBND xã Cẩm Hà, Giám đốc Công ty Cổ phần Bến Trễ Hội An; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC 05;
- Phòng TN&MT thành phố Hội An;
- Lưu: VT, KTN.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2020

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG BẾN TRỄ HỘI AN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2020
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng Bến Trễ Hội An tại thôn Bến trễ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Bến Trễ Hội An
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Bến Trễ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi của Dự án: Tổng diện tích dự án 65.822 m² (Theo Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu du lịch nghỉ dưỡng Bến Trễ Hội An, tại thôn bến Trễ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An).
- Quy mô của Dự án: Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, cung cấp các dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí đạt tiêu chuẩn 4 sao nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch trong và ngoài nước với quy mô khối lượng khách sạn 200 phòng; trung tâm hội nghị; 100 căn biệt thự nghỉ dưỡng; khu spa và các hạng mục phụ trợ; cây xanh cảnh quan.

1.3. Các hạng mục chính của Dự án:

a) Khu biệt thự nghỉ dưỡng:

- Tổng diện tích 27.420 m² gồm 100 biệt thự chia thành nhiều loại có quy mô từ 200m² đến 500 m², tầng cao từ 1 – 3 tầng, mật độ xây dựng 40% cụ thể:
 - + Biệt thự 200m² – 250m² khu vực Tây Bắc và khu vực Tây Nam với kích thước lô trung bình 10 m – 15 m x 20 m – 25 m, bao gồm các ô BT1,2,3 và BT11 với số lô là 53 lô.
 - + Biệt thự 300 - 500m² khu vực Phía Đông và khu vực Tây Nam với kích thước lô trung bình 10 m – 15 m x 20 m – 25 m, bao gồm các ô BT4 đến BT10 với số lô là 47 lô.

b) Khu khách sạn - hội nghị – dịch vụ

- Tổng diện tích 8.363m² chiếm tỷ lệ 13,5% diện tích dự án gồm:
 - + Khu DV1: Khách sạn và tổ chức hội nghị, được bố trí về phía Bắc dự án với diện tích 3.710 m², tầng cao 7 tầng, mật độ xây dựng 50%, quy mô 200 phòng tiêu chuẩn 4 sao.

+ Khu DV2: Là khu vui chơi giải trí, với diện tích 571m^2 mật độ xây dựng 40%, tầng cao tối đa 3 tầng.

c) Nhà hàng ẩm thực + Câu lạc bộ.

Khu DV3: nhà hàng truyền thống và khu vui chơi giải trí, được bố trí sát đường bao ven sông và trực chính khu vực dự án với diện tích 4.082m^2 tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng 40%.

d) Khu cây xanh công viên và cây xanh cảnh quan

Tổng diện tích đất cây xanh 4.347m^2 chiếm 7,02%, trong diện tích quy hoạch.

- Ô CX1, CX2, CX3: Là công viên cho tiểu khu ở.
- Ô CX6 Đến CX9 và MN: Là cây xanh được sử dụng làm hàng rào cảnh quan mềm tạo sự yên tĩnh biệt lập khu quy hoạch.
- Ô CX4,5 và CX10: Là Cây xanh cảnh quan thực chất là cảnh quan hành lang bảo vệ sông Cổ Cò với diện tích 3.874m^2 .
- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nội bộ dự án, đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án.
- Hệ thống giao thông, san nền, cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh.
- Xây dựng riêng biệt hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải.
- Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất xử lý $225\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại vị trí phía Tây Nam dự án. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1 trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung phía Nam dự án thoát ra sông Cổ Cò tại vị trí phía Đông Nam dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Đối với môi trường không khí: tiếng ồn, bụi, khí thải.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng công trình kiến trúc và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với môi trường không khí: bụi từ hoạt động giao thông ra vào khu du lịch, khí thải từ máy phát điện dự phòng.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: chất thải rắn, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Tiếng ồn, bụi thải: phát sinh từ quá trình phát quang giải phóng mặt bằng; bụi phát sinh từ quá trình san nền; bụi, khí thải phát sinh do quá trình vận chuyển san nền, nguyên vật liệu trong khu vực Dự án; bụi, khí thải từ phương tiện thi công xây dựng.

- Khí thải: phát sinh hoạt động của máy móc, thiết bị giao thông chủ yếu là CO, NO₂, SO₂.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công: 2,25 m³/ng.đ.

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: 185,75 m³/ng.đ.

Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

- Rác thải sinh hoạt trong quá trình thi công khoảng 36 kg/ngày.

- Rác thải sinh hoạt của người dân trong quá trình hoạt động khoảng 1.266,8 kg/ngày.đêm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Trong quá trình thi công xây dựng: chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải. Khối lượng CTNH khoảng 10 kg/tháng, dầu mỡ thải khoảng 20 lít trong toàn bộ quá trình xây dựng.

- Trong sinh hoạt của dự án: phát sinh một số loại chất thải nguy hại như bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử thải bỏ. Khối lượng CTNH phát sinh khoảng 60 kg/năm.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Về xử lý bụi và khí thải:

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn che chắn xung quanh khu vực xây dựng dự án với chiều cao từ 2m để hạn chế bụi phát tán ra khu vực tiếp giáp xung quanh.

- Vào những ngày hanh khô hoặc có gió lớn, tiến hành phun nước giữ ẩm bề mặt với tần suất 2 - 4 lần/ngày (sáng, trưa, chiều) tại tuyến đường phía Tây dự án.

- Tại các bãi tập kết vật liệu xây dựng: Thực hiện che chắn bạt xung quanh khu vực bãi tập kết để hạn chế bụi phát tán ra bên ngoài.

- Bố trí công nhân thu dọn đất, cát rơi vãi dọc theo tuyến vận chuyển gần khu vực dự án, đặc biệt tuyến đường bê tông nhựa phía Tây dự án, sau mỗi giờ làm việc 2 lần/ngày (sau 11h30 và sau 17h30) nhằm hạn chế lượng bụi cuốn phát sinh khi có phương tiện qua lại cũng như bụi cuốn do gió gây ảnh hưởng đến các hộ

dân, các hộ kinh doanh hai bên đường và người tham gia giao thông.

- Yêu cầu các xe vận chuyển đúng tải trọng cho phép (xe tải trọng 5 tấn khi đi vào tuyến đường bê tông hiện trạng phía tây dự án).

- Thùng xe phải có bạt che kín, tránh tình trạng đất đá rơi vãi, bụi cát bị gió cuốn gây ô nhiễm môi trường trên tuyến đường vận chuyển.

- Xây dựng kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công. Không vận chuyển vào buổi trưa (từ 12h00 - 13h00), ban đêm (từ 22h - 6h00) và khung giờ cao điểm.

- Thực hiện rửa bánh xe vận chuyển trước khi rời khỏi công trường.

- Sử dụng máy móc, phương tiện tiên tiến, tình trạng còn mới nhằm hạn chế phát sinh khí thải độc hại bất thường khi động cơ hoạt động. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp 0,05%.

- Che chắn công trình thi công trên cao bằng lưới lưới mắt nhỏ (1-2mm). Mục đích che chắn lưới công trình: để đảm bảo an toàn lao động, tránh rơi vãi vữa xi măng, vật liệu xây dựng từ trên cao xuống ảnh hưởng đến người đi đường bên dưới công trình; giảm phát tán bụi do gió khi tháo dỡ cốp pha.

3.1.2. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: thuê 01 công trình nhà vệ sinh lưu động để thu gom nước thải sinh hoạt, vệ sinh của công nhân và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút cặn.

- Nước thải xây dựng:

- + Đối với nước thải rửa dụng cụ: Nước thải xây dựng sau mỗi ngày làm việc sẽ được thu gom, lắng cặn tại hố lắng, trường hợp có dầu mỡ tại hố lắng sẽ được thu gom xử lý cùng dầu mỡ thải, nước lắng cặn được sử dụng tưới giảm bụi công trường.

- + Đối với nước ngấm từ quá trình thi công công trình ngầm: nước bơm vào hố lắng để lắng cặn trước khi bơm ra mương thoát nước tạm thời trên công trường.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR):

- Thu gom, xử lý CTR:

- + CTR xây dựng: Được thu gom phân loại để bán phế liệu (sắt thép vụn,...); đất đá, gạch vỡ được tận dụng san nền; những chất còn lại không tận dụng được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định; Lượng đất bóc hữu cơ được tập trung về khu đất cây xanh để trồng cây, phần còn lại (nếu có) hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom đổ thải xử lý theo quy định hiện hành.

- + CTR sinh hoạt: Bố trí thùng rác chứa rác có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh. Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom và mang đi xử lý theo quy định.

- Thu gom, xử lý chất thải nguy hại (CTNH): Bố trí thùng chứa CTNH có nắp đậy, thực hiện thu gom CTNH phát sinh lưu chứa tạm thời tại kho chứa CTNH tạm thời trên công trường và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom xử lý đúng quy định.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải:

*** Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:**

- Bố trí bãi đỗ xe cho du khách và cán bộ công nhân viên ra vào dự án.
- Xây dựng nội quy bãi đỗ xe, bố trí nhân viên hướng dẫn xe ra vào khu du lịch.
- Phun nước giảm bụi trên tuyến đường dẫn từ cổng vào đến trung tâm và tại bãi đỗ xe vào những ngày nắng, gió nhiều, lượng xe ra vào lớn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án và xung quanh khu vực bãi đỗ xe để tạo cảnh quan và hấp thụ bụi khí thải từ phương tiện giao thông.

*** Giảm thiểu khí thải và mùi từ hoạt động đun nấu trong khu vực bếp ăn:**

- Sử dụng khí gas, điện, còn đông cục để đun nấu, không sử dụng các loại chất đốt hóa thạch có khả năng phát sinh khí độc.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng bếp nấu, đường ống dẫn khí gas, van... đảm bảo khắc phục kịp thời các trường hợp rò rỉ khí gas.

3.2.2. Về xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt xây dựng độc lập với hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.
- Nước thải tại từng khu vực được xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi xả vào đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ *Nước thải từ nhà vệ sinh*: khu vực khách sạn, nhà hàng, câu lạc bộ, khu biệt thự sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại từng khối công trình, sau đó được tập trung đầu nối vào đường ống thu gom nước thải của khu du lịch vào hố gom và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu du lịch xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

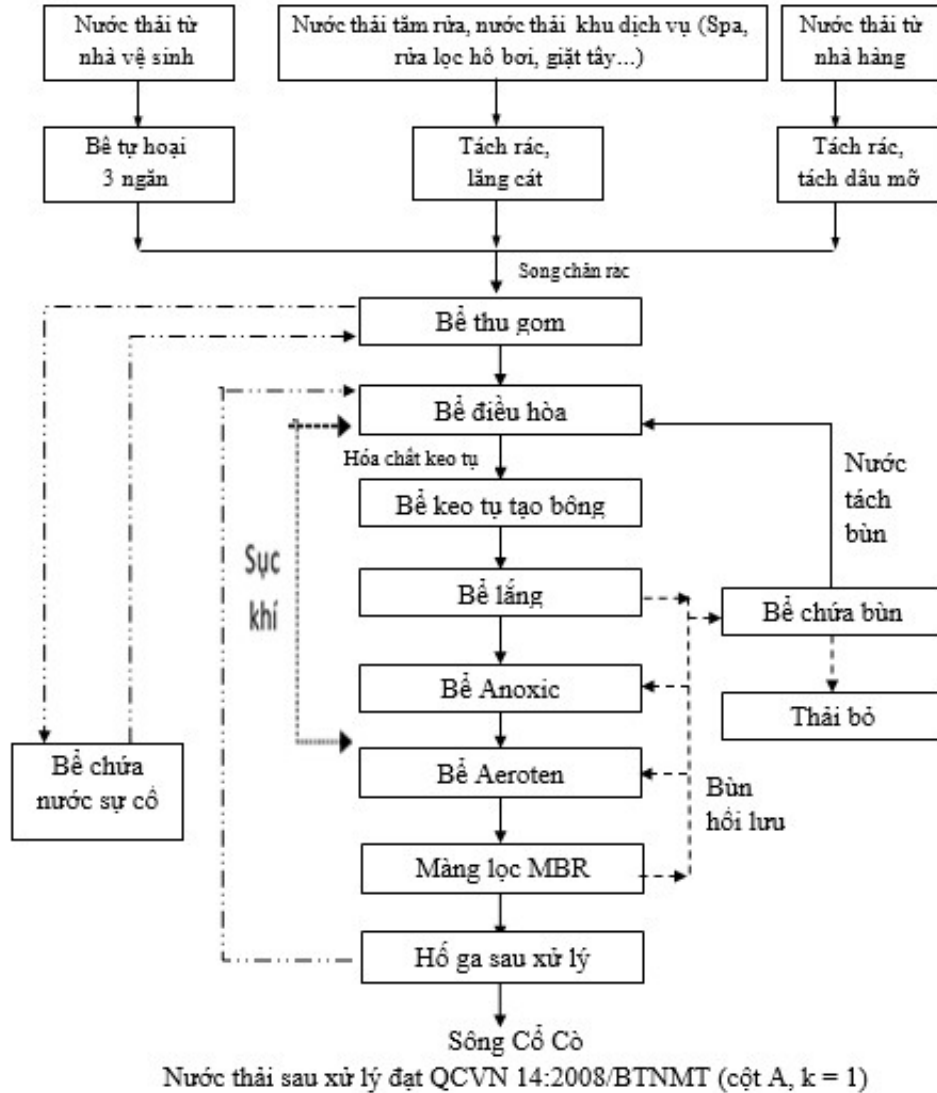
+ *Nước thải từ khu dịch vụ (Spa, rửa lọc hồ bơi...), nước thải tắm rửa, vệ sinh sàn nhà, nước thải giặt là*: được tách rác, lắng cát trước khi đưa về hố gom và đầu nối vào công thoát nước thải của dự án đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu du lịch.

+ *Nước thải từ nhà nhà hàng (khu vực bếp)*: Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom bằng đường ống riêng biệt về bể thu dầu mỡ. Tại miệng ống thu nước nhà bếp được lắp đặt các nắp song chắn rác để tránh các rác thải theo đường ống làm tắt nghẽn dòng chảy. Tại bể thu, dầu mỡ sẽ tách ra nhờ chênh lệch về tỷ

trọng, định kỳ hút đem xử lý đúng quy định. Sau đó nước thải nhà bếp được đầu nối vào đường ống thu gom nước thải của khu du lịch, đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu du lịch.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 225 m³/ngày.đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k = 1) trước khi chảy ra cống thoát nước chung phía Nam dự án, (cống thoát nước chung thuộc khu vực dự án) sau đó chảy ra sông Cồ Cò tại vị trí phía Đông Nam của dự án.

Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại dự án như sau:



Ghi chú:

- Đường đi của nước thải
- - - - -> Đường đi của bùn
- · - · -> Đường cấp khí
- · · · -> Đường nước sự cố

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

sinh hoạt:

- Tuyên truyền du khách, cán bộ công nhân viên phân loại rác tại nguồn và thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” theo Chỉ thị 48-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nguyên tắc phân loại rác 3R (Reduction – Reuse – Recycle) giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế.

- Bố trí thùng chứa rác tại tất cả vị trí có khả năng phát sinh CTR tại khu phòng lưu trú khách sạn, nhà hành, văn phòng làm việc, biệt thự,... để thu gom rác thải.

- Xây dựng kho chứa CTR có diện tích khoảng 20m² để tập trung CTR phát sinh tại khu du lịch trước khi đơn vị có chức năng đến thu gom.

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu du lịch được thu gom lưu chứa trong thùng chứa CTNH.

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10m².

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom xử lý đúng quy định. Thực hiện thu gom xử lý chất thải nguy hại theo đúng thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Bố trí khu kỹ thuật nằm độc lập với các khu dịch vụ, khu khách sạn, biệt thự.

- Lắp đặt đệm cao su chống rung cho các loại thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, động cơ sử dụng trong khu du lịch, tra dầu bôi trơn các ổ trục và thay thế các thiết bị hư hỏng để hạn chế tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu kỹ thuật, xen kẽ giữa các công trình trong khu du lịch và dọc ranh giới khu du lịch, vừa tạo không gian đẹp, vừa tạo vành đai cách ly và hạn chế tiếng ồn.

3.2.6. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

- Xây dựng hệ thống PCCC theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng hệ thống cấp nước đúng tiêu chuẩn phục vụ cho chữa cháy và bố trí ở vị trí quan trọng, thuận tiện để sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Tuân thủ đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong quá trình vận hành có lập nhật ký theo dõi.

+ Bố trí nhân viên chịu trách nhiệm theo dõi công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Lắp đặt các thiết bị dự phòng để phòng ngừa trường hợp máy móc bị hư hỏng.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện ở bảng sau:

STT	Tên công trình	Số lượng	Công suất
1	Hệ thống thoát nước mưa	01 hệ thống	
2	Hệ thống thoát nước thải	01 hệ thống	
3	Hệ thống xử lý nước thải	01 trạm xử lý	225 m ³ /ng.đ
4	Kho chứa CTR	1 kho	20 m ²
5	Kho chứa CTNH	1 kho	10 m ²

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn xây dựng				
1	Giám sát nước mặt	pH, DO, TSS, COD, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Clorua, Fe, Zn, tổng dầu mỡ, Coliforms.	1 điểm trên sông Cỏ Cò (cách điểm thoát nước của dự án ra sông Cỏ Cò khoảng 20m).	3 tháng/lần	QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (cột B ₁)

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
2	Giám sát CTR, CTNH	Khối lượng, quá trình thu gom, lưu trữ	- Toàn khu vực dự án. - Khu vực lưu trữ.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT
II Giai đoạn dự án đi vào hoạt động					
1	Giám sát chất lượng nước thải	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Photphat, tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, tổng Coliforms.	- 1 điểm tại hồ gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung. - 1 điểm tại hồ gom nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.	3 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT: (Cột A, k = 1)
2	Giám sát nước mặt	pH, DO, TSS, COD, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Clorua, Fe, Zn, tổng dầu mỡ, coliforms.	1 điểm trên sông Cỏ Cò (cách điểm xả nước thải của dự án ra sông Cỏ Cò khoảng 100m).	3 tháng/lần	QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (cột B ₁)
3	Giám sát CTR, CTNH	Khối lượng, quá trình thu gom, lưu trữ.	- Toàn khu vực dự án. - Khu vực lưu trữ.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT

6. Trách nhiệm của Chủ dự án:

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hội An để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hội An trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố Hội An để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố Hội An để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo:

7.1. Dự án chỉ được triển khai xây dựng khi cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất và thực hiện các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

7.2. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.4. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 24/2/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.5. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn, có giải pháp hạn chế tình trạng sạt lở, xói mòn và bồi lấp ảnh hưởng đến dòng chảy sông Cổ Cò tại khu vực dự án trong quá trình thi công và vận hành Dự án. Đồng thời, tuyệt đối không xả chất thải vào sông Cổ Cò khi chưa được xử lý theo quy định hiện hành.

7.6. Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, k=1,0); thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường.

7.7. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.8. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.9. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.10. Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hội An thực hiện các biện pháp đảm bảo cuộc sống cho người dân bị mất đất, mất sinh kế để thực hiện Dự án và đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực lân cận do tác động của việc thực hiện Dự án.

7.11. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.12. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ phế thải xây dựng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để đảm bảo việc san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu xây dựng, đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

7.13. Tuân thủ các quy định hiện hành về: khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

7.14. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.15. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.